TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN T** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **203**/2022/HSST
Ngày : 12/12/2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN T, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Huỳnh Hoàng Phương;

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Trần Công Trung;

2/Ông Lê Ngọc Thanh;

Thư ký phiên tòa: bà Lê Thị Tường Vi là Thư ký Tòa án nhân dân quận T, Thành phố Hồ Chí Minh;

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận T, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: bà Nguyễn Thị Linh là Kiểm sát viên;

Hôm nay, ngày 12 tháng 12 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận T, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 129/2022/HSST ngày 25 tháng 10 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 273/2022/QĐXXST-HS ngày 29 tháng 11 năm 2022 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **TRẦN TẤN H1**; Giới tính: Nam; Sinh năm: 1996 tại: Thành phố Hồ Chí Minh; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: đường P, Phường C, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh; Chỗ ở: Không nơi ở nhất định; Trình độ học vấn: 0/12; Nghề nghiệp: tài xế chở hàng; Con ông: Trần Văn H (đã chết) và bà Nguyễn Ngọc G, sinh năm 1949; Vợ, con: Chưa có; Nhân thân: Ngày 18/9/2012 bị Tòa án nhân dân Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội Cướp giật tài sản, chấp hành xong hình phạt tù ngày 28/6/2013; Tiền án: Không; Tiền sự:

- Ngày 18/10/2016, bị Tòa án nhân dân Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc thời gian 24 tháng, chấp hành xong ngày 20/8/2018;

- Ngày 21/4/2020, bị Tòa án nhân dân Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc thời gian 18 tháng;

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 10/6/2022;

2. Họ và tên: **THÁI VĂN H2**; Giới tính: Nam; Sinh năm: 2000 tại: Thành phố Hồ Chí Minh; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: đường P, Phường M, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh; Chỗ ở: đường H, phường T, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; Trình độ học vấn: 5/12; Nghề nghiệp: Không; Con ông: Thái Văn L, sinh năm 1979 và bà Trần Thị Ánh T, sinh năm 1982; Vợ, con: Chưa có; Nhân thân: Ngày 24/6/2015 bị Công an quận B, Thành phố Hồ Chí

Minh xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức cảnh cáo về hành vi Cướp giật tài sản, ngày 22/01/2016 bị Tòa án nhân dân Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội Cướp giật tài sản, chấp hành xong hình phạt tù ngày 03/02/2017; Tiền án: Không; Tiền sự:

- Ngày 19/02/2019, bị Tòa án nhân dân quận B, Thành phố Hồ Chí Minh áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc thời gian 18 tháng, chấp hành xong ngày 25/4/2020;

- Ngày 31/7/2020, bị Tòa án nhân dân quận B, Thành phố Hồ Chí Minh áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc thời gian 18 tháng, chấp hành xong ngày 11/12/2021.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 10/6/2022.

3. Họ và tên: **NGUYỄN NGỌC D**; Giới tính: Nam; Sinh năm: 1993 tại tỉnh Bình Thuận; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: đường G, xã T, huyện D, tỉnh Lâm Đồng; Chỗ ở: đường L, Phường M, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh; Trình độ học vấn: 9/12; Nghề nghiệp: Sửa chữa điện thoại; Con ông: Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1972 và bà Cao Thị B, sinh năm 1973; Vợ, con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: Không; Bị can bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 16/6/2022;

(các bị cáo có mặt tại phiên tòa)

Bị hại: Chị Hà Thị H3, sinh năm 2002 ngụ tại đường V, Phường M, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh;

(vắng mặt tại phiên tòa)

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1/ Chị Huỳnh Khánh V, sinh năm 2002 ngụ tại đường V, Phường M, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh;

2/ Anh Nguyễn Ngọc H4, sinh năm 1988 ngụ tại tại N, Phường M, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh;

(chị V, anh H4 vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Thái Văn H2 và Trần Tấn H1 là bạn quen biết nhau từ trước. Khoảng 12 giờ 20 phút ngày 08/6/2022, H2 điều khiển xe gắn máy hiệu Honda Wave RSX biển số 59S3-127.81 chở H1 lưu thông đến ngã tư đường H - L thì H2 phát hiện chị Huỳnh Khánh V đang điều khiển xe gắn máy hiệu Honda Lead, biển số 17N1-3184 chở chị Hà Thị H3 đi cùng chiều, hay tay chị H3 đang sử dụng điện thoại di động hiệu Iphone 13 Promax nên H2 rủ H1 cướp giật, H1 đồng ý. Khi đến trước số đường L, phường H, quận T, H2 điều khiển xe gắn máy áp sát bên trái chị H3 để H1 ngồi sau dùng tay phải giật được điện thoại di động đồng thời H1 ngồi sau dùng chân đạp vào xe gắn máy của chị V để nhanh chóng tẩu thoát làm chị V và chị H3 bị ngã xuống đường, gây thương tích rồi H2 tăng ga bỏ chạy. Sau đó, cả hai đến cửa hàng điện thoại di động M đường L, phường M, Quận M do anh Nguyễn Ngọc H4 làm chủ, H2 trực tiếp gặp Nguyễn Ngọc D là nhân viên sửa chữa điện thoại hỏi "có mua điện thoại Iphone mất Icloud không", lúc này D

biết điện thoại do phạm tội mà có nên đồng ý mua với giá là 13.000.000 đồng thì H2 đồng ý, H2 và H1 mỗi người chia nhau số tiền 6.500.000 đồng và cả hai đã tiêu xài hết.

Sau khi mua điện thoại di động trên, D đã năm lần dò tìm mật khẩu của điện thoại, đến lần thứ năm D bấm sáu lần số 0 thì mở được mật khẩu. Sau đó, D vào phần ghi chú của điện thoại thấy có mật khẩu Icloud và mật khẩu ứng dụng Internet banking ngân hàng VP Bank số tài khoản 228890251 của chị H3 nên đã tắt ứng dụng tìm Iphone để chị H3 không định vị được điện thoại. Sau đó, D xóa tài khoản Icloud, đăng nhập vào ứng dụng Internet banking trên để mua hai thẻ cào điện thoại mỗi thẻ mệnh giá 500.000 đồng rồi chạy lại dữ liệu của điện thoại di động hiệu Iphone 13 Promax để xóa hết dữ liệu và thông tin trong điện thoại. Đến khoảng 18 giờ 30 phút ngày 08/6/2022 D nhắn tin cho anh Nguyễn Ngọc H4 chào bán điện thoại di động trên, qua kiểm tra anh H4 thấy điện thoại không có Icloud nên anh H4 nghĩ là điện thoại do chính chủ bán lại cho D và đồng ý mua với giá 23.000.000 đồng. Đến ngày 09/6/2022 anh H4 bán lại điện thoại di động trên cho một người tên Lai tại cửa hàng điện thoại di động trên đường Q, xã V, huyện B với giá 24.000.000 đồng. Sau khi sự việc xảy ra D đã liên hệ mua lại điện thoại để giao nộp cho Cơ quan điều tra. Sau khi bị cướp giật điện thoại, chị H3 đã đến Công an phường trình báo. Qua truy xét, Công an đã bắt được Thái Văn H2 và Trần Tấn H1, Nguyễn Ngọc D.

Quá trình điều tra, H1 và H2 khai nhận: Việc H1 dùng chân đạp xe gắn máy của chị V là mang tính bộc phát do một mình H1 thực hiện, không bàn bạc trước hay thống nhất với H2. Mục đích H1 đạp xe gắn máy của chị V là để chị V không điều khiển xe đuổi kịp H1 và H2 nhằm nhanh chóng tẩu thoát.

Đối với thương tích của chị Hà Thị H3 và chị Huỳnh Khánh V khi bị H1 đạp xe gắn máy làm ngã thì chị H3 và chị V từ chối giám định thương tích và không yêu cầu xử lý hình sự.

Tại Cơ quan điều tra, Thái Văn H2, Trần Tấn H1 và Nguyễn Ngọc D đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như trên.

Theo kết luận định giá tài sản số 1071/KL-HĐĐGTS-TTHS ngày 08/7/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự Ủy ban quận T thời điểm định giá ngày 08/6/2022 kết luận: 01 điện thoại di động hiệu Iphone 12 ProMax, màu xám trị giá 25.500.000 đồng.

*** Vật chứng thu giữ:**

- Thu giữ của Nguyễn Ngọc D:

+ Một (01) đĩa ghi lại hình ảnh diễn biến vụ việc khi H2 đến bán điện thoại cho D (kèm hồ sơ vụ án);

+ Một (01) sim điện thoại nhãn hiệu Mobile số seri: 8401200224079259, số thuê bao: 0772309*** và một (01) điện thoại di động hiệu Iphone 13 Promax màu xám loại 128Gb có số Imei1: 351678918952498; số Imei 2: 351678918504083, là điện thoại H1 và H2 cướp giật của chị H3. Cơ quan điều tra đã trả lại cho chị Hà Thị H3;

+ Một (01) điện thoại di động hiệu Iphone 13 Promax màu xanh loại 128Gb có số Imei 1: 3588003554526049; số Imei 2: 358800354684210, D sử dụng để liên lạc cá nhân. Cơ quan điều tra đã trả lại cho D;

- Thu giữ của Thái Văn H2:

+ Một (01) xe gắn máy hiệu Honda Wave RSX, màu đỏ đen, biển số: 59S3-127.81; số máy: JA38E-0455707; số khung: RLHJA3802KY003767, H2 sử dụng làm phương tiện chở H1 đi cướp giật tài sản. H2 khai nhận, mua xe gắn máy này của một người không rõ lai lịch với giá 4.000.000 đồng, không làm thủ tục sang tên;

Qua xác minh, xe gắn máy trên do anh Nguyễn Chí L, thường trú: đường B, phường H, quận B đứng tên chủ sở hữu. Xác minh tại địa chỉ này, hiện anh Nguyễn Chí L không có mặt tại địa phương.

+ Một (01) điện thoại di động hiệu Nokia 220 màu xanh đen, số Imei 1: 354231068732380; số Imei 2: 354231068132398, H2 sử dụng để liên lạc cá nhân;

+ Một (01) điện thoại di động hiệu OPPO màu đen, số Imei1: 866376043115291; số Imei 2: 8663760431152983, H2 sử dụng liên lạc cá nhân;

+ Một (01) mũ bảo hiểm loại lưỡi trai màu vàng có chữ PIAGGIO, một (01) áo sơ mi dài tay kẻ ô vuông màu đen trắng, một (01) quần đùi màu xanh, là trang phục H2 mặc khi thực hiện hành vi cướp giật tài sản;

Các vật chứng trên hiện đang nhập kho theo phiếu nhập kho vật chứng số: 92/PNK ngày 31/8/2022 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận T.

- Thu giữ trong vụ án: một (01) đĩa DVD - R hiệu maxell ghi lại hình ảnh diễn biến vụ cướp giật tài sản (kèm hồ sơ vụ án);

*** Về phần dân sự**: Nguyễn Ngọc D đã bồi thường cho chị H3 số tiền 1.000.000 đồng là tiền D chiếm đoạt của chị H3. Chị H3 đã nhận tiền và điện thoại nên không yêu cầu bồi thường gì khác. Chị Huỳnh Khánh V yêu cầu Trần Tấn H1 bồi thường số tiền thuốc men là 2.000.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số 121/CT-VKS ngày 24 tháng 10 năm 2022, Viện kiểm sát nhân dân quận T, Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố bị cáo Trần Tấn H1 về tội "Cướp giật tài sản" theo điểm d, đ Khoản 2 Điều 171 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), truy tố bị cáo Thái Văn H2 về tội "Cướp giật tài sản" theo điểm d Khoản 2 Điều 171 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); truy tố bị cáo Nguyễn Ngọc D về các tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" theo Khoản 1 Điều 323 và "Sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản" theo Khoản 1 Điều 290 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận T, Thành phố Hồ Chí Minh vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo theo như cáo trạng và đề nghị:

- Áp dụng điểm d, đ Khoản 2 Điều 171; Điều 38; điểm s Khoản 1 Điều 51; Điều 17 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) xử phạt bị cáo Trần Tấn H1 mức án từ 05 (năm) năm 06 (sáu) tháng đến 06 (sáu) năm 06 (sáu) tháng tù;

- Áp dụng điểm d Khoản 2 Điều 171; Điều 38; điểm s Khoản 1 Điều 51; Điều 17 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) xử phạt bị cáo Thái Văn H2 mức án từ 05 (năm) năm đến 06 (sáu) năm tù;

- Áp dụng Khoản 1 Điều 323; điểm c Khoản 1 Điều 290; Điều 38; điểm b, i, s Khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc D mức án từ 09 (chín) tháng đến 01 (một) năm tù về tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" và từ 09 (chín) tháng đến 01 (một) năm tù về tội "Sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi

chiếm đoạt tài sản". Căn cứ Điều 55 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) tổng hợp hình phạt buộc bị cáo D chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là từ 01 (một) năm 06 (sáu) tháng đến 02 (hai) năm tù;

Đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử xử lý vật chứng theo quy định pháp luật.

Các bị cáo Trần Tấn H1, Thái Văn H2, Nguyễn Ngọc D nói lời sau cùng: các bị cáo rất hối hận về việc làm của mình, mong Hội đồng xét xử xem xét cho các bị cáo được hưởng mức án nhẹ nhất để các bị cáo có cơ hội sửa sai, làm lại cuộc đời.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an quận T, Thành phố Hồ Chí Minh, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân quận T, Thành phố Hồ Chí Minh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, bị hại và những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung vụ án: Lời khai nhận tội của các bị cáo là phù hợp với kết luận điều tra của Cơ quan cảnh sát điều tra, Bản cáo trạng của Viện kiểm sát, lời khai của bị hại, những người liên quan, người làm chứng cùng các tài liệu, chứng cứ khác thu thập trong hồ sơ vụ án Hội đồng xét xử xét thấy có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 07 giờ 35 phút ngày 08/6/2022, Thái Văn H2 và Trần Tấn H1 đã có hành vi sử dụng xe gắn máy cướp giật một (01) điện thoại di động hiệu Iphone 13 ProMax trị giá 25.500.000 đồng của chị Hà Thị H3 tại trước đường L, phường H, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh đã phạm vào tội "Cướp giật tài sản", trong đó bị cáo H1 tự ý thực hiện hành vi đạp ngã xe của người bị hại nhằm để người bị hại không thể truy đuổi thuộc trường hợp "hành hung để tẩu thoát", tội danh và hình phạt của bị cáo H1 được quy định tại điểm d, đ Khoản 2 Điều 171 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017). Bị cáo Thái Văn H2 đóng vai trò là đồng phạm giúp sức có hành vi sử dụng xe gắn máy chở bị cáo H1 thực hiện hành vi "Cướp giật tài sản" và trốn chạy nên bị cáo H2 cũng phải chịu trách nhiệm hình sự đối với tội danh "Cướp giật tài sản", tội danh và hình phạt được quy định tại điểm d Khoản 2 Điều 171 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Đối với Nguyễn Ngọc D biết rõ điện thoại trên do H2 phạm tội mà có nhưng vẫn đồng ý tiêu thụ đồng thời D có hành vi sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử để truy cập vào tài khoản ngân hàng của chị H3 và chiếm đoạt số tiền 1.000.000 đồng thì bị bắt giữ cùng tang vật, hành vi của bị cáo đã phạm các tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" theo Khoản 1 Điều 323 và "Sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản" theo điểm c Khoản 1 Điều 290 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017)

Đây là vụ án có đồng phạm nhưng hành vi của các bị cáo mang tính tự phát, các bị cáo cùng thống nhất ý chí thực hiện hành vi "Cướp giật tài sản", giữa các bị cáo không có sự phân công nhiệm vụ rõ ràng nên không thuộc trường hợp "phạm tội có tổ chức";

[3] Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, nó vừa trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu, quản lý tài sản hợp pháp của công dân được Nhà nước và pháp luật bảo hộ, gây mất an ninh trật tự tại địa phương. Các bị cáo đã thành niên, đủ khả năng nhận thức được hành vi cướp giật tài sản và tiêu thụ tài sản của người khác bị pháp luật ngăn cấm và bị trừng trị nhưng do động cơ tham lam, muốn có tiền tiêu xài nên các bị cáo đã cố tình thực hiện tội phạm một cách liều lĩnh, bất chấp sự trừng trị của pháp luật. Do đó Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết có một hình phạt thật nghiêm khắc nhằm mục đích giáo dục, cải tạo các bị cáo đồng thời có tác dụng răn đe, phòng ngừa chung.

Trong vụ án này, bị cáo H1 và bị cáo H2 có nhân thân rất xấu, đã bị xét xử về các hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác mặc dù đã được xóa án tích nhưng không chịu lấy đó làm bài học cho bản thân mà lại tiếp tục phạm tội, ngoài ra các bị cáo H1, H2 còn nhiều lần bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc nên đây cũng là điểm cần lưu ý khi Hội đồng xét xử lượng hình;

[4] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có;

- Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s Khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017). Ngoài ra bị cáo D đã bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả, bị cáo phạm tội lần đầu, các tội vi phạm thuộc trường hợp ít nghiêm trọng cũng là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017). Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng để giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo;

[5] Về hình phạt bổ sung: Căn cứ vào Khoản 5 Điều 171 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) thì lẽ ra các bị cáo H1, H2 và D còn có thể bị phạt một khoản tiền bổ sung. Hội đồng xét xử xét thấy các bị cáo H1, H2 không có nghề nghiệp ổn định, khó có khả năng thi hành, bị cáo D phạm tội lần đầu nên miễn cho các bị cáo;

[6] Về xử lý vật chứng:

Lưu vào hồ sơ vụ án một (01) đĩa ghi lại hình ảnh diễn biến vụ việc khi H2 đến bán điện thoại cho D (kèm hồ sơ vụ án);

Đối với một (01) xe gắn máy hiệu Honda Wave RSX màu đỏ đen biển số: 59S3-127.81; số máy: JA38E-0455707; số khung: RLHJA3802KY003767, H2 sử dụng làm phương tiện chở H1 đi cướp giật tài sản. H2 khai nhận, mua xe gắn máy này của một người không rõ lai lịch với giá 4.000.000 đồng, không làm thủ tục sang tên. Qua xác minh, xe gắn máy trên do anh Nguyễn Chí L, thường trú: đường B, phường H, quận B đứng tên chủ sở hữu. Xác minh tại địa chỉ này, hiện anh Nguyễn Chí L không có mặt tại địa phương. Hội đồng xét xử xét thấy chiếc xe có nguồn gốc không rõ ràng cần giao cho Chi cục Thi hành án dân sự quận T, Thành phố Hồ Chí Minh thông báo trong một khoảng thời gian nhất định. Quá thời hạn không có người đến nhận thì lập thủ tục sung quỹ Nhà nước;

Đối với một (01) điện thoại di động hiệu Nokia 220 màu xanh đen có số Imei 1: 354231068732380; số Imei 2: 354231068132398 và một (01) điện thoại di động hiệu OPPO màu đen, số Imei1: 866376043115291; số Imei 2: 8663760431152983. Hội đồng

xét xử xét thấy đây là tài sản cá nhân của bị cáo H2, không liên quan đến hành vi phạm tội nên trả cho bị cáo H2;

Đối với một (01) mũ bảo hiểm loại lưỡi trai màu vàng có chữ PIAGGIO, một (01) áo sơ mi dài tay kẻ ô vuông màu đen trắng, một (01) quần đùi màu xanh. Hội đồng xét xử xét thấy đây là trang phục bị H2 mặc khi thực hiện hành vi cướp giật tài sản, hiện không còn giá trị sử dụng, bị cáo không có yêu cầu nhận lại nên tịch thu tiêu hủy;

Các vật chứng trên hiện đang nhập kho theo phiếu nhập kho vật chứng số: 92/PNK ngày 31/8/2022 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận T.

Lưu vào hồ sơ vụ án một (01) đĩa DVD - R hiệu maxell ghi lại hình ảnh diễn biến vụ cướp giật tài sản (kèm hồ sơ vụ án);

[7] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí Hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố các bị cáo Trần Tấn H1, Thái Văn H2 phạm tội "Cướp giật tài sản", bị cáo Nguyễn Ngọc D phạm các tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" và "Sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản".

* Áp dụng điểm d, đ Khoản 2 Điều 171; Điều 38; điểm s Khoản 1 Điều 51 và Điều 17 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt bị cáo:

Trần Tấn H1 06 (sáu) năm tù.

Thời hạn tù tính từ ngày 10/6/2022;

* Áp dụng điểm d Khoản 2 Điều 171; Điều 38; điểm s Khoản 1 Điều 51 và Điều 17 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt bị cáo:

Thái Văn H2 05 (năm) năm 06 (sáu) tháng tù.

Thời hạn tù tính từ ngày 10/6/2022;

* Áp dụng Khoản 1 Điều 323; Điều 38; điểm s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Áp dụng điểm c Khoản 1 Điều 290; Điều 38; điểm b, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt bị cáo:

Nguyễn Ngọc D 09 (chín) tháng tù về tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" và 09 (chín) tháng tù về tội "Sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản".

Áp dụng Điều 55 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) tổng hợp hình phạt buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù.

Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

Miễn khoản tiền phạt bổ sung cho các bị cáo;

* Áp dụng Khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 106, Khoản 2 Điều 136, Điều 331, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm a Khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Trả cho bị cáo Thái Văn H2 một (01) điện thoại di động hiệu Nokia 220 màu xanh đen có số Imei 1: 354231068732380; số Imei 2: 354231068132398 và một (01) điện thoại di động hiệu OPPO màu đen, số Imei1: 866376043115291; số Imei 2: 8663760431152983;

Tịch thu tiêu hủy một (01) mũ bảo hiểm loại lưỡi trai màu vàng có chữ PIAGGIO, một (01) áo sơ mi dài tay kẻ ô vuông màu đen trắng, một (01) quần đùi màu xanh;

Giao một (01) xe gắn máy hiệu Honda Wave RSX màu đỏ đen biển số: 59S3-127.81; số máy: JA38E-0455707; số khung: RLHJA3802KY003767 cho Chi cục Thi hành án dân sự quận T, Thành phố Hồ Chí Minh thông báo tìm chủ sở hữu trong thời hạn 06 tháng. Quá thời hạn trên mà không có người đến nhận thì lập thủ tục sung quỹ Nhà nước;

Lưu vào hồ sơ vụ án một (01) đĩa DVD - R hiệu maxell ghi lại hình ảnh diễn biến vụ cướp giật tài sản và một (01) đĩa ghi lại hình ảnh diễn biến vụ việc khi H2 đến bán điện thoại cho D (kèm hồ sơ vụ án);

(Tình trạng vật chứng theo Phiếu nhập kho vật chứng số 92/PNK ngày 31/8/2022 của Công an quận T, Thành phố Hồ Chí Minh)

Mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (Hai trăm ngàn) đồng án phí Hình sự sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án các bị cáo có quyền kháng cáo; bị hại và những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc ngày Tòa án tống đạt, niêm yết bản án hợp lệ theo quy định của pháp luật;

Hội đồng xét xử quyết định tạm giam các bị cáo H1, H2 45 ngày tính từ ngày tuyên án để đảm bảo cho việc thi hành án.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**